TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** TỈNH NGHỆ AN ---	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 45/2023/HS-ST
Ngày 21/12/2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A – TỈNH NGHỆ AN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Lệ Hằng
Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Huyền Sâm và bà Trần Hải Yến.
Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Phạm Mạnh Cường – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Ông Phan Hiếu Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 21/12/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 41/2023/HS-ST ngày 18 tháng 10 năm 2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2023/QĐXXST-HS ngày 07/12/2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Đình T; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1993; Nơi cư trú: Thôn 4, xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông: Nguyễn Đình L; Con bà: Nguyễn Thị T; Vợ: Nguyễn Thị T và 02 con; Tiền án: Không; Tiền sự: Tại Quyết định xử phạt hành chính số 07/QĐ-HC ngày 29/3/2023 của Công an xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An xử phạt hành chính 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/8/2023 đến ngày 27/8/2023; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28/8/2023 cho đến nay – Có mặt.

- *Người bị hại:* Chị Trần Thị Thu G - Sinh năm 1983 - Trú tại: Thôn B, xã Đ, huyện A, tỉnh Nghệ An – Có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Anh Hoàng Văn T – Sinh năm 1990 - Nơi thường trú: Xã N, huyện Đ, tỉnh Nghệ An; Trú tại: Thôn 4, xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt.

Chị Nguyễn Thị T – Sinh năm: 1999 - Trú tại: Thôn 4, xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt.

Anh Lê Văn T – Sinh năm: 1983 - Trú tại: Thôn 3, xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào trưa ngày 14/7/2023, Nguyễn Đình T đi bán mật ong, khi đi qua nhà nghỉ T, thuộc thị trấn Con Cuông, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An. Nguyễn Đình T phát hiện thấy chị Trần Thị Thu G và anh Hoàng Văn T đi vào nhà nghỉ T. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, Nguyễn Đình T quay lại nhà nghỉ T, nhìn thấy 02 chiếc xe mô tô của chị G và anh T đang ở trong gara nhà nghỉ.

Với mục đích quay video để làm bằng chứng phát hiên chị G và anh T đang ở nhà nghỉ cùng với nhau. Nên T vào nhà nghỉ thuê 01 phòng ở tầng hai, rồi ngồi chơi điện thoại, mục đích khi phát hiện thấy chị G xuất hiện, T sẽ dùng điện thoại quay video chị G. Đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, quan sát thấy chị G và anh T đi ra, T đã sử dụng điện thoại OPPO A57 màu đen, để quay video lại cảnh chị G và anh T từ trong phòng nhà nghỉ đi ra. Lúc này, chị G nhìn thấy nên hỏi: "Răng lại quay T", T nói "Anh T nhờ em quay" (Anh T là chồng chị G đang đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài). Sau đó, T xuống trả tiền phòng nghỉ và đi về trước. Thấy T đi, anh T chạy theo và nói: "Dừng lại đạ T mồ, có chi anh em ta nói chuyện", T không trả lời mà lấy xe máy đi về, nên anh T cũng lấy xe máy đi theo T, thì T nói: "Thôi anh về đi", anh T nói: "Dừng lại, em đừng đi" nhưng T không nghe và đi vào hướng xã Yên Khê, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An.

Với mục đích sử dụng video quay được chị G và anh T đi vào nhà nghỉ với nhau để uy hiếp tinh thần chị G nhằm chiếm đoạt tiền của chị G. Nên ngày 16/7/2023, Nguyễn Đình T đã nhiều lần sử dụng số điện thoại 0982613480 gọi điện và nhắn tin cho chị G qua số điện thoại 0976627660 với nội dung là sẽ gửi video cho chồng của chị G biết về việc chị G đi nhà nghỉ với anh Hoàng Văn T để uy hiếp tinh thần chị G. Do sợ hãi, T sẽ gửi Video cho anh T nên chị G nhắn tin và gọi điện thoại lại cho T và nói: "Đừng cho anh T biết chuyện của chị, anh T trả cho em mấy thì chị trả nhiều hơn anh T". Nguyễn Đình T trả lời là: Năm mươi triệu đồng (50.000.000 đồng), chị G, nói: "Năm mươi triệu (50.000.000 đồng) thì chị không đủ để đáp ứng cho em, nếu mà năm mươi triệu (50.000.000 đồng) thì em làm gì thì tùy em"; Nguyễn Đình T trả lời: "Được rồi, cho chị suy nghĩ". Ngày 17/7/2023, T tiếp tục gọi điện thoại và nhắn tin cho chị G với nội dung: "Quyết định răng rồi chị" thì chị G trả lời: "Chị quyết định cái chi, nếu mà như em nói năm mươi triệu (50.000.000 đồng) thì chị không có, còn chị vay mượn mãi mới được hai mươi triệu (20.000.000 đồng)"; T nói: "Từng đó cũng được", sau đó T hẹn chị G đến cổng chào xã T (thuộc Thôn 4, xã T, huyện A, Tỉnh Nghệ An) để đưa tiền.

Đến khoảng 21 giờ, ngày 17 tháng 7 năm 2023, chị G cùng con gái là Nguyễn Trần G đi đến gặp Nguyễn Đình T tại cổng chào xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An. Khi gặp T, chị G nói: "Chị còn mười bốn triệu đồng (14.000.000 đồng) tiền tài khoản với 6.000.000 đồng tiền mặt" và nói cháu Giao chuyển khoản cho T 14.000.000 đồng vào số tài khoản của anh Lê Văn T (Làm dịch vụ nhận tiền chuyển khoản và rút tiền mặt), đồng thời chị G đưa 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) tiền mặt cho T. Sau khi nhận tiền, T đưa máy điện thoại ra xóa một video

nhưng video T xóa không có cảnh quay chị G và anh T ở nhà nghỉ để đánh lừa chị G là đã xóa video quay cảnh chị G và anh T ở nhà nghỉ T, còn video quay cảnh chị G và anh T ở nhà nghỉ T thì T giữ lại, không xóa.

Đến ngày 15/08/2023, Nguyễn Đình T tiếp tục gọi điện cho chị G nhưng chị G không nghe máy nên T nhắn tin với nội dung: "Giờ chị không nghe điện thoại à, chị muốn ai biết trước đây"; "Chị có tin em đăng video lên không, cho lên trang nhất luôn", để uy hiếp tinh thần chị G tiếp tục đưa tiền cho T. Nhận được tin nhắn với lời đe dọa của T, ngày 16/08/2023 chị G gọi điện cho T nói: "em cần gì ở chị", T nói là: "cần ba mươi triệu (30.000.000 đồng)", đưa cho em là em sẽ xóa video, chị G nói: "Ừ được rồi, lần ni nữa rồi xong thôi, đây là lần cuối chị em mình gặp nhau và chị không muốn nhìn thấy trong máy có video nào nữa".

Đến chiều ngày 17/08/2023, T gọi điện thoại hỏi "chị ở đâu rồi", chị G nói "chờ chị tý, chị đang đi mượn tiền", một lúc sau T gọi điện hẹn chị G tối đến quán cà phê Hộ Bèng, thuộc thôn Cây Chanh, xã Đ, huyện A, tỉnh Nghệ An. Khoảng 20 giờ cùng ngày, chị G gặp T tại quán cà phê, chị G kể hoàn cảnh khó khăn, nợ nần nhiều, một lúc sau T đưa điện thoại cho chị G xóa video quay cảnh chị G và anh T ở nhà nghỉ T. Xóa xong, chị G nói: "Chị được mười triệu (10.000.000 đồng) đây" nhưng do nghe chị G kể hoàn cảnh khó khăn và hối hận nên T nói: "Thôi em không lấy của chị nữa mô, chị về trước đi", sau đó Nguyễn Đình T ra lấy xe máy đi về.

Đến ngày 18/08/2023, biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên Nguyễn Đình T đã đến trụ sở Công an huyện A để đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. (Bút lục: 12-13; 41-52).

Vật chứng thu giữ và xử lý:

+ Thu giữ 01 chiếc điện thoại OPPO A57 màu đen, gắn sim số 0982613480; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Exciter, biển kiểm soát 37P1-583.53 của Nguyễn Đình T. Trong quá trình điều tra, xác định được xe máy và điện thoại là của chị Nguyễn Thị T, chị T không biết bị cáo sử dụng tài sản để thực hiện hành vi phạm tội nên cơ quan CSĐT Công an huyện A đã trả lại cho chị Nguyễn Thị T; Còn thẻ sim số 0982613480 của Nguyễn Đình T được niêm phong kèm theo hồ sơ vụ án.

Về dân sự: Trong quá trình điều tra, Nguyễn Đình T trả lại số tiền 19.000.000 đồng (Mười chín triệu đồng) cho chị Trần Thị Thu G.

Cáo trạng số 41/CTr-VKS-AS ngày 17/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An đã truy tố bị cáo Nguyễn Đình T về tội: "Cưỡng đoạt tài sản" theo khoản 1, Điều 170 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Đình T về tội: "Cưỡng đoạt tài sản" theo khoản 1, Điều 170 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng khoản 1, Điều 170; Điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt: Nguyễn Đình T từ 13 tháng tù đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo

chấp hành án nhưng được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 18/8/2023 đến ngày 27/8/2023; Về dân sự: Không; Về xử lý vật chứng: Kèm theo hồ sơ vụ án thẻ sim số 0982613480 của Nguyễn Đình T; Về án phí: Nguyễn Đình T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Đình T không tranh luận gì với quan điểm của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng bị cáo nói: Rất ăn năn hối cải về hành vi phạm tội đã gây ra, xin lỗi chị G và mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan T hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố cơ bản đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan T hành tố tụng và người tiến hành tố tụng cơ bản đều thực hiện đúng pháp luật.

Tuy nhiên, trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Đình T đã thực hiện hành vi uy hiếp tinh thần chị Trần Thị Thu G nhằm chiếm đoạt số tiền 50.000.000 đồng, bị cáo mới chỉ chiếm đoạt được số tiền 19.000.000 đồng là do chị G không đủ tiền giao cho bị cáo nên bị cáo chấp nhận lấy của chị G 20.000.000 đồng (Sau đó bị cáo cho chị G 1.000.000 đồng). Như vậy, hành vi của bị cáo đã cấu thành tội: "Cưỡng đoạt tài sản" theo điểm d, khoản 2, Điều 170 Bộ luật hình sự năm 2015. Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An đã truy tố bị cáo Nguyễn Đình T về tội: "Cưỡng đoạt tài sản" theo khoản 1, Điều 170 Bộ luật hình sự năm 2015 là không đúng pháp luật.

[1.1] Ngày 23/11/2023, Tòa án nhân dân huyện A đã ban hành Quyết định trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An để truy tố lại đối với Nguyễn Đình T về tội: "Cưỡng đoạt tài sản" theo điểm d, khoản 2, Điều 170 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuy nhiên, ngày 28/11/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An ban hành Công văn số 461/QĐ-VKS-AS ngày 28/11/2023 về việc: “Giữ nguyên Quyết định truy tố”: Truy tố Nguyễn Đình T về tội: "Cưỡng đoạt tài sản" theo khoản 1, Điều 170 Bộ luật hình sự.

Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An đưa ra xét xử bị cáo Nguyễn Đình T về tội: "Cưỡng đoạt tài sản" theo điểm d, khoản 2, Điều 170 Bộ luật hình sự, xét xử bị cáo theo khoản khác nặng hơn khoản Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An đã truy tố theo khoản 2 Điều 298 Bộ luật tố tụng Hình sự là có căn cứ.

[1.2] Tại phiên tòa, anh Hoàng Văn T là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tuy nhiên trong quá trình điều tra đã có đầy đủ lời khai của anh T. Anh T vắng mặt không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử T hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự là có căn cứ.

[2] Về nội dung vụ án: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Đình T khai nhận hành vi phạm tôi như sau:

Vào khoảng 15 giờ 30 phút, ngày 16/7/2023, tại thôn 4, xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An, Nguyễn Đình T đã có hành vi dùng điện thoại di động OPPO A57, màu đen, gắn sim số 0982613480, có chứa nội dung video quay cảnh chị Trần Thị Thu G và anh Hoàng Văn T đi ra từ phòng nghỉ của nhà nghỉ T tại thị trấn C, huyện C, tỉnh Nghệ An để uy hiếp tinh thần chị G là sẽ gửi video cho anh Nguyễn Hữu T là chồng của chị G biết, làm cho chị G hoảng sợ, để nhằm chiếm đoạt của chị G số tiền 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, do chị Trần Thị Thu G không đủ số tiền 50.000.000 đồng để đưa cho T nên ngày 17/7/2023 T đồng ý nhận của chị G số tiền 20.000.000 đồng, quá trình giao nhận tiền, chị G đã xin T 1.000.000 đồng để mua sữa cho con và được T đồng ý. Nên số tiền T đã chiếm đoạt được của chị Trần Thị Thu G là 19.000.000 đồng.

Đến ngày 15/08/2023, với ý chí chiếm đoạt tiếp tiền của chị G vì bị cáo đang lưu giữ video quay cảnh chị G và anh T ở nhà nghỉ. Nên Nguyễn Đình T tiếp tục nhắn tin và gọi điện uy hiếp tinh thần chị G nhằm chiếm đoạt thêm số tiền 30.000.000 đồng như ý định ban đầu là chiếm đoạt 50.000.000 đồng. Do hoảng sợ, nên ngày 17/8/2023, chị G đã đồng ý gặp T để giao số tiền 30.000.000 đồng theo yêu cầu của T. Tuy nhiên, quá trình gặp nhau để giao nhận tiền, chị G kể hoàn cảnh khó khăn, chị G nói chỉ có được 10.000.000 đồng nhưng do nghe chị G kể hoàn cảnh khó khăn, bị cáo hối hận nên bị cáo không lấy tiền của chị G. Đến ngày 18/8/2023, bị cáo đã đến Công an huyện A đầu thú về hành vi phạm tội của mình. Số tiền bị cáo chiếm đoạt được là 19.000.000 đồng, bị cáo đã dùng để trả nợ và tiêu xài cá nhân hết.

Vật chứng thu giữ: 01 chiếc điện thoại OPPO A57 màu đen, gắn sim số 0982613480; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Exciter, biển kiểm soát 37P1-583.53 của Nguyễn Đình T.

Như vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Đình T là đã uy hiếp tinh thần chị Trần Thị Thu G để nhằm chiếm đoạt số tiền 50.000.000 đồng. Mặc dù, số tiền bị cáo đã chiếm đoạt được là 19.000.000 đồng, tuy nhiên hành vi phạm tội của bị cáo đã hoàn thành từ thời điểm bị cáo uy hiếp tinh thần chị G để nhằm chiếm đoạt số tiền 50.000.000 đồng ban đầu, không phụ thuộc vào việc bị cáo có chiếm đoạt được tài sản hay không. Tại mục 2, phần II T tư liên tịch số 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP ngày 25/12/2001 của TAND Tối cao, VKSND Tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp hướng dẫn áp dụng quy định về các tội xâm phạm sở hữu, hướng dẫn việc xác định giá trị tài sản bị chiếm đoạt như sau: *"Trong trường hợp có đầy đủ căn cứ chứng minh rằng người có hành vi xâm phạm sở hữu có ý định xâm phạm đến tài sản có giá trị cụ thể theo ý thức chủ quan của họ, thì lấy giá trị*

tài sản đó để xem xét việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người có hành vi xâm phạm".

Như vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Đình T là có ý định chiếm đoạt số tiền 50.000.000 đồng nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về số tiền đã có ý định chiếm đoạt với tình tiết định khung là: *"Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng"* quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Cáo trạng số 34/CTr-VKS-AS ngày 15/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An đã truy tố bị cáo Nguyễn Đình T về tội: "Cưỡng đoạt tài sản" theo khoản 1, Điều 170 Bộ luật hình sự năm 2015 là không đúng pháp luật.

Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An xác định, bị cáo Nguyễn Đình T đã thực hiện hoàn thành hành vi uy hiếp tinh thần chị Trần Thị Thu G để nhằm chiếm đoạt số tiền 50.000.000 đồng như đã nêu trên. "Tội cưỡng đoạt tài sản" là tội có cấu thành hình thức và được coi là hoàn thành từ thời điểm người phạm tội thực hiện một trong các hành vi nhằm chiếm đoạt tài sản, không phụ thuộc vào việc bị cáo có chiếm đoạt được tài sản hay không. Mặc dù, sau khi thực hiện hành vi uy hiếp tinh thần chị G để chiếm đoạt số tiền 50.000.000 đồng nhưng bị cáo không chiếm đoạt được hết số tiền 50.000.000 đồng theo ý chí của bị cáo là do chị Trần Thị Thu G không có đủ số tiền 50.000.000 đồng để giao cho bị cáo. Bên cạnh đó, sau khi chiếm đoạt được số tiền 19.000.000 đồng, với ý chí ban đầu là chiếm đoạt số tiền 50.000.000 đồng, nên ngày 15/8/2023, bị cáo tiếp tục uy hiếp tinh thần chị G để nhằm chiếm đoạt số tiền 30.000.000 đồng. Tuy nhiên, do chị G trình bày hoàn cảnh khó khăn, bị cáo hối hận nên bị cáo đã không chiếm đoạt tiếp số tiền 30.000.000 đồng của chị G. Hành vi này cũng đã hoàn thành ý thức mục đích chiếm đoạt của bị cáo, củng cố cho hành vi ban đầu của bị cáo là có ý thức chiếm đoạt số tiền 50.000.000 đồng, bị cáo không tiếp tục chiếm đoạt số tiền 30.000.000 đồng của chị G là tình tiết để xem xét trong việc lượng hình.

Từ những nhận định trên, Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An quyết định xét xử bị cáo Nguyễn Đình T về tội: "Cưỡng đoạt tài sản" theo điểm d, khoản 2, Điều 170 Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra và lời khai tại phiên toà phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Đình T đã phạm vào tội: "Cưỡng đoạt tài sản" theo điểm d, khoản 2, Điều 170 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Vụ án bị cáo gây ra là rất nghiêm trọng, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện là gây nguy hại rất lớn cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an và an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, động cơ, mục đích phạm tội là nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác một cách táo bạo, liều lĩnh, thể hiện sự coi thường pháp luật; Thời điểm thực hiện phạm tội bị cáo đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên bị cáo phải chịu hình phạt về tội đã phạm.

Bị cáo đang có tiền sự về hành vi đánh bạc, ngày 22/3/2023 bị Công an xã T, huyện A xử phạt hành chính. Do đó cần phải xử lý nghiêm, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người chấp hành tốt pháp luật và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Tuy nhiên, xét thấy sau khi phạm tội, bị cáo đã đến công an huyện A đầu thú về hành vi phạm tội, trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho người bị hại, trong quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi đã gây ra, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Bị cáo không có tình tiết tăng nặng; Số tiền bị cáo nhằm chiếm đoạt là 50.000.000 đồng, tuy nhiên bị cáo mới chỉ chiếm đoạt số tiền là 19.000.000 đồng. Nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt để thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật.

Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Vì vậy cần xem xét cho bị cáo được hưởng một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo quy định tại Điều 54 Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Với mức hình phạt từ 13 tháng tù đến 15 tháng tù như Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An đề nghị là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên cần chấp nhận là đúng pháp luật.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định, bị cáo không có tài sản riêng gì nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[5] Về hành vi liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo**:** Trong vụ án này, có anh Lê Văn T là người có số tài khoản ngân hàng mà anh Nguyễn Đình T đã đưa để chị G chuyển khoản số tiền 14.000.000 đồng. Tuy nhiên, do anh T không biết số tiền đó do Nguyễn Đình T phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Huyện A, tỉnh Nghệ An không xử lý anh T là đúng quy định pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự**:** Trong quá trình điều tra, Nguyễn Đình T đã trả lại cho chị Trần Thị Thu G số tiền bị chiếm đoạt, nay chị G không yêu cầu gì thêm về mặt dân sự nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về xử lý vật chứng**:** Thu giữ của Nguyễn Đình T 01 chiếc điện thoại OPPO A57 màu đen, có sim số 0982613480 đăng ký tên Nguyễn Đình T; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Exciter, biển kiểm soát 37P1-583.53. Quá trình điều tra xác định được chiếc điện thoại OPPO A57 và chiếc xe mô tô nhãn hiệu Exciter, biển kiểm soát 37P1-583.53 là của chị Nguyễn Thị T (Vợ T), chị T không biết T sử dụng tài sản vào việc phạm tội nên CQCSĐT Công an huyện A đã trả lại cho chị Nguyễn Thị T là đúng pháp luật. Đối với thẻ sim số 0982613480 đăng ký tên Nguyễn Đình T tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đình T phạm tội: "Cưỡng đoạt tài sản".

2/ Áp dụng: Điểm d, khoản 2, Điều 170; Điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt: Nguyễn Đình T 13 (Mười ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 18/8/2023 đến ngày 27/8/2023.

*** Về hình phạt bổ sung**: Miễn hình phạt bổ sung cho Nguyễn Đình T.

*** Về xử lý vật chứng**: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Lưu tại hồ sơ vụ án sim số 0982613480 thu giữ của Nguyễn Đình T.

3/ Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016. Buộc bị cáo Nguyễn Đình T phải nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

4/ Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo lên Toà án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo lên Toà án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Nghệ An;*
- *VKSND Huyện A;*
- *Công an Huyện A;*
- *Chị cục THADS huyện A;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Lệ Hằng